

Bản án số: 298/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-8-2024  
V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.*  
*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.*  
*2. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.*  
- *Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.*  
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.*

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1981.**

Địa chỉ: Tổ G, khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn: Ông Đặng Văn M, sinh năm 1975.**

Địa chỉ: 1, Hoàng Bá B, tổ H, khu phố D, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông M chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D (nay là phường A, thành phố D), tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng bất đồng, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ đã nhiều lần vợ chồng bà cùng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng tất cả đều không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết nên bà làm đơn yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông M có 2 con chung tên Đặng Như Q, sinh ngày 07/6/2006 và Đặng Quỳnh N, sinh ngày 06/7/2014. Ly hôn, đối với cháu Q đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **N**, không yêu cầu ông **M** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn ông Đặng Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông M trình bày:**

Ông không đồng ý ly hôn với bà **H**, lý do là ông vẫn còn tình cảm với bà **H** và không muốn gia đình đổ vỡ.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Đặng Như Q**, sinh ngày 07/6/2006 và **Đặng Quỳnh N**, sinh ngày 06/7/2014. Ly hôn, đối với cháu **Q** đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông đồng ý giao cháu **N** cho bà **H** được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà **H**, ông **M** không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà **H** yêu cầu ly hôn với ông **M** là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Về con chung: đối với cháu **Đặng Như Q** đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết, giao cháu **Đặng Quỳnh N**, sinh ngày 06/7/2014 cho bà **H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **M** không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung: không có. Về án phí: bà **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà **H** yêu cầu được ly hôn với ông **M**, yêu cầu được nuôi con. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”; bà **Nguyễn Thị Lan H** là nguyên đơn, ông **Đặng Văn M** là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông **Đặng Văn M** hiện đang cư trú tại **phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà **H** có đơn xin xét xử vắng mặt, ông **M** đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **H**, ông **M** theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lan H và ông Đặng Văn M chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện D (nay là phường A, thành phố D), tỉnh Bình Dương vào năm 2004 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian thì hai vợ chồng bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề cuộc sống. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay bà H xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông M.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2024 bị đơn ông Đặng Văn M trình bày ông không đồng ý ly hôn, lý do là ông vẫn còn tình cảm với vợ, không muốn gia đình đổ vỡ nhưng lại không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hàn gắn. Sau khi đến Tòa án nộp bản tự khai và tham gia hòa giải ngày 28/6/2024 thì sau đó ông M vắng mặt không rõ lý do trong quá trình giải quyết vụ án. Không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ sau và tham gia phiên tòa, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông M không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà H.

Kết quả xác minh tại Công an phường L, thành phố B thể hiện nội dung: ông Đặng Văn M không đăng ký thường trú. Tuy nhiên hiện đang thực tế sinh sống tại địa phương.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B thể hiện địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông M.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông M là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông M để trả tự do cả hai là phù hợp.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Như Q, sinh ngày 07/6/2006 và Đặng Quỳnh N, sinh ngày 06/7/2014. Ly hôn, đối với cháu Đặng Như Q đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, bà H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông M cũng đồng ý với ý kiến của bà H là giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Do đó, cần giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan H. Bà Nguyễn Thị Lan H được ly hôn với ông Đặng Văn M.

2. Về con chung: Đối với cháu Đặng Như Q, sinh năm 2006 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Giao cháu Đặng Quỳnh N, sinh ngày 06/7/2014 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lan H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002407 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**T.M HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hòa;
- VKS TP Biên Hòa;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hoà;
- VKS TP Biên Hoà;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hoà;
- VKS TP Biên Hoà;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hoà;
- VKS TP Biên Hoà;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**Trần Thị Thúy**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thành Thị Thu T1**